| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2024/HS-PT
Ngày 09-01-2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Văn Lộc

Bà Nguyễn Thị Sang

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Trần Tấn Lập - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 09 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xétxử phúc thẩmcông khai vụ án hình sự phúc thẩmthụ lý số: 256/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Hoài D. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 263/2023/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*- Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Thị Hoài D sinh năm 1993 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi đăng ký thường trú: thôn X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi đăng ký tạm trú: số C đường L, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: kế toán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị D1; bị cáo có chồng là Trần Quốc H (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/01/2023 đến nay; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Hoài D là nhân viên Kế toán của Công ty Cổ phần B (sau đây gọi tắt là Công ty B), làm việc tại Cửa hàng F, địa chỉ: Đường B tháng A, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương từ tháng 3/2018 theo Hợp đồng lao động số: 221118.13/FRTMN/PR4; công việc cụ thể của bị cáo là trực tiếp thu tiền từ việc bán hàng và thu hộ tiền điện nước, nhập số liệu vào phần mềm quản lý của công ty, tổng kết số tiền đã thu trong ngày hoặc 02 đến 03 ngày để đến chi nhánh của Ngân hàng

Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Bình Dương (sau đây gọi tắt là ngân hàng) để nộp toàn bộ vào tài khoản của Công ty B theo quy định.

Ngày 16/4/2019, khi nộp tiền doanh thu vào tài khoản của Công ty B, bị cáo đã tự ý giữ lại số tiền 65.000.000 đồng đưa cho em ruột là Nguyễn Thanh Hoài A để trả nợ thay cho mẹ. Đến ngày 19/4/2019, Công ty B phát hiện hành vi của bị cáo nên trình báo Công an thành phố T để giải quyết theo quy định. Tại cơ quan công an, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 263/2023/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 353, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 47 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Về trách nhiệm hình sự: tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hoài D phạm tội "Tham ô tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoài D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, bị cáo Nguyễn Thị Hoài D có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội "Tham ô tài sản", bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bị cáo có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt của Công ty B số tiền 65.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoài D về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật. Bị cáo chiếm đoạt tiền để trả nợ cho mẹ bị cáo, bị cáo đã trả lại số tiền chiếm đoạt cho Công ty và công ty B có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 03 đến 06 táng tù, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Sửa Bản án hình sự 263/2023/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo không ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội chăm lo cho gia đình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: ngày 16/4/2019, bị cáo Nguyễn Thị Hoài D có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn là người trực tiếp thu tiền từ việc bán hàng và thu hộ tiền điện, nước cho Công ty B đã chiếm đoạt số tiền 65.000.000 đồng của Công ty B. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" quy dịnh tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội "Tham ô tài sản" quy dịnh tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hà nh vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Công ty, làm mất an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Hoài D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện, bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại (tòa sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo); sau khi xét xử sơ thẩm bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã ly hôn chồng và đang nuôi con nhỏ đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy tình hình tội phạm tham ô tài sản tại địa bàn tỉnh Bình Dương nói riêng và trong cả nước nói chung diễn biến phức tạp, do đó cần xử phạt nghiêm bị cáo nhằm răn đe và phòng ngừa trong toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 263/2023/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[4] Tòa sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không đúng. Bởi vì, bị cáo phạm tội tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự quy định mức hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Đồng thời, trong quyết định bản án không tuyên tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến vụ án và bị cáo không bị tổng hợp hình phạt của nhiều bản án nhưng trong quyết định của bản án lại áp dụng Điều 47, Điều 56 của Bộ luật Hình sự là không đúng. Tòa sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hoài D. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 263/2023/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về hình phạt.

2. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hoài D phạm tội "Tham ô tài sản".

3. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạ t bị cáo Nguyễn Thị Hoài D 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Thị Hoài D không phải chịu.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo,
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- UBND huyện Châu Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VT (3), hồ sơ vụ án, NMT, 20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huỳnh Đức**